TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:**03**/2023/KDTM -ST
Ngày 10 - 08 - 2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng mua bán"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Chu Thái Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Quốc Khánh

Ông Nguyễn Văn Chuyết

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thanh Hiếu - Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 08 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mai thụ lý số 01/2023/TLST- KDTM ngày 08/03/2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST- KDTM ngày 31 tháng 07 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty C1 - Ngân hàng N (ALCI); Địa chỉ: Số D P, phường K, Quận Đ, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật của ALCI:

Bà Trương Thị Xuân T - Chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo uỷ quyền (theo QĐ về việc uỷ quyền số 01/QĐ-ALCI-HCNS ngày 12/07/2021): Ông Vũ Huy P; chức vụ: Giám đốc chi nhánh Công ty C1 tại Quảng Ninh (ALCI.QN).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: Ông Dương Mạnh C - Luật sư, Văn phòng L, Đoàn Luật sư tỉnh Q.

Bị đơn: Công ty cổ phần V ; Địa chỉ trụ sở: Thôn P, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo pháp luật : Bà Vũ Thị Hồng T1, sinh năm 1945, nơi cư trú: TDP P, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định - Chức vụ : Giám đốc

Tại phiên tòa: Ông P, ông D có mặt, bà T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/11/2022, bản tự khai, biên bản hoà giải, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Vũ Huy P trình bày:

Ngày 14/11/2007, Công ty TNHH T3 (gọi tắt là Công ty T3) và Công ty CP V (gọi tắt là Công ty V) ký Biên bản thỏa thuận số 08/BBTT-2007 về việc Công ty T3 mua một (01) tàu biển vỏ thép cấp hạn chế III, trọng tải toàn phần 3.150 tấn của Công ty V thông qua hình thức thuê tài chính tại Chi nhánh Công ty C1 tại Quảng Ninh (viết tắt là ALCI.QN).

ALCL.QN và Công ty T3 đã ký kết Hợp đồng cho thuê tài chính số 05/2008/ALCI.QN ngày 10/01/2008 ("Hợp đồng cho thuê tài chính") với nội dung ALCI.QN sẽ cho Công ty T3 thuê tài chính tài sản là một tàu vận tải biển chở hàng khô,vỏ thép, cấp III hạn chế, trọng tải 3.150 tấn, kèm theo Hợp đồng cho thuê tài chính có các phụ lục: 04A/ALCI; 04D/ALCI.

Căn cứ theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 05/2008/ALCI.QN ngày 10/01/2008, ALCI.QN đã ký kết Hợp đồng mua bán số 05/2008-HĐMB với Công ty V để thực hiện mua một (01) tàu biển vỏ thép cấp hạn chế III, trọng tải toàn phần 3.150 tấn của Công ty V để cho Công ty T3 thuê tài chính với thời gian bàn giao tàu được dự kiến trong tháng 06 năm 2010.

Để thực hiện Hợp đồng mua bán, ALCI đã tạm ứng mua tàu cho Công ty V số tiền là: 22.150.060.000 đồng. Cụ thể:

+ Số tiền tạm ứng đợt 1 bằng tiền đặt cọc của Công ty T3 (không tính lãi) là: 3.750.060.000 đồng

+ Số tiền tạm ứng đợt 2 bằng tiền ALCL.QN là:

Lần 1: 6.000.000.000 đồng, lãi suất nhận nợ là 1.05%/tháng và 1,48%/tháng, kèm theo Giấy nhận nợ ngày 28/01/2008; ngày 20/03/2008; ngày 08/04/2008; ngày 09/04/2008.

Lần 2: 7.600.000.000 đồng, lãi suất nhận nợ là 1,7%/tháng, kèm theo Giấy nhận nợ ngày 29/08/2009; Giấy nhận nợ ngày 16/10/2008 với lãi suất nhận nợ 1,65%/tháng. Giấy nhận nợ ngày 18/11/2008 với lãi suất nhận nợ 1,50%/tháng. Giấy nhận nợ ngày 03/12/2008 với lãi suất nhận nợ 1,375%/tháng. Giấy nhận nợ ngày 12/12/2008 với lãi suất nhận nợ 1,25%/tháng. Giấy nhận nợ ngày 24/12/2008 với lãi suất nhận nợ 1,06%/tháng

Lần 3: 4.800.000.000 đồng, lãi suất nhận nợ là 0,875%/tháng, kèm theo Giấy nhận nợ ngày 12/06/2009. Giấy nhận nợ ngày 24/06/2009 với lãi suất nhận nợ 0,875%/tháng. Giấy nhận nợ ngày 06/07/2009 với lãi suất nhận nợ 0,875%/tháng. Giấy nhận nợ ngày 09/07/2009 với lãi suất nhận nợ 0,875%/tháng.

Từ tháng 01/2008 đến tháng 4/2010, Công ty V đã thi công hoàn thành phần thân vỏ đã hoàn chỉnh, sơn toàn bộ bên trong tàu đã xong, bang bệ máy chính đã

hoàn thành, chuẩn bị lắp máy chính. Phần đăng kiểm tàu đã kiểm tra xong phần thân vỏ. Các hạng mục khác; chưa lắp hệ thống điện, chưa lắp đặt lắp hầm hàng, tủ điện điều khiển, chưa hoàn thiện phần nội thất, máy chính máy phụ đã về tập kết tại xưởng.

Công ty V đã thanh toán tiền lãi nhận nợ đến ngày 23/12/2009 là 1.935.669.700 đồng. Từ ngày 23/12/2009 đến nay, Công ty V không thanh toán tiền lãi nhận nợ theo thỏa thuận.

- Từ tháng 04/2010 đến nay, Công ty V đã ngừng thi công tàu nên không có bất kỳ khối lượng công việc được thực hiện. Công ty V trong quá trình thực hiện Hợp đồng mua bán đã vi phạm không bàn giao tàu theo hợp đồng đã ký, gây thiệt hại nặng nề cho hoạt động kinh doanh của ALCI.QN. Để đảm bảo quyền và lợi ích của mình, đồng thời bảo toàn nguồn vốn của nhà nước. ALCI đề nghị TAND huyện Trực Ninh giải quyết cho ALCI những vấn đế cụ thể như sau:

1.Tuyên hủy bỏ Hợp đồng mua bán số: 05/HĐMB-2008 ngày 10/01/2008 giữa ALCI.QN với Công ty V.

2. Tuyên buộc Công ty V phải thanh toán cho ALCI.QN khoản tiền tổng giá trị là: 129.272.136.146 đồng bao gồm:

- Toàn bộ tiền tạm ứng thanh toán giá trị Hợp đồng mua bán là: 22.150.060.000 đồng.

- Tiền lãi phát sinh từ số tiền ALCI.QN đã tạm ứng thanh toán cho Công ty V từ nguồn đi vay của ALCI tạm tính đến ngày 01/10/2022 là: 91.679.378.807 đồng.

- Công ty V phải chịu phạt vi phạm theo Điều 4 Hợp đồng mua bán do chậm bàn giao tàu là 2.000.000đ/ngày (tương ứng 6.756.000.000 đồng) tính từ ngày 01/07/2013 đến ngày 01/10/2022. Tuy vậy, Điều 301 Luật Thương mại 2005 quy định mức phạt đối với vi phạm nghĩa vụ hợp đồng hoặc tổng mức phạt đối với nhiều vi phạm do các bên thỏa thuận trong hợp đồng, nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm. Do tổng giá trị Hợp đồng mua bán là 25.000.000.000 đồng (Hai mươi năm tỷ đồng) và Công ty V vi phạm trên toàn bộ giá trị hợp đồng nên mức phạt tối đa có thể được tạm tính là 25.000.000.000 đồng x 8% = 2.000.000.000 đồng.

- Công ty V phải bồi thường thiệt hại cho ALCL.QN các tổn thất thực tế và khoản lợi trực tiếp mà ALCI.QN đáng lẽ được hưởng nếu được nhận bàn giao tàu đúng hạn với tổng giá trị 13.222.500.000 đồng. Đây là số tiền lãi phát sinh từ dư nợ cho thuê tài chính mà Công ty T3 sẽ phải trả cho ALCI.QN (nếu như Công ty V bàn giao tàu theo đúng cam kết) tạm tính từ ngày 01/07/2013 đến ngày 01/10/2022.

- Khoản chi để thực hiện việc kiểm toán giá trị khối lượng hoàn thành: Công ty V có nghĩa vụ hoàn trả phí dịch vụ kiểm toán là 40.197.339 đồng do ALCI đã thanh toán theo Hợp đồng kiểm toán số 87/HĐ-KT/ĐT-VAE ngày 13/07/2016.

- Khoản chi thuê dịch vụ tư vấn pháp lý dự tính 180.000.000 đồng.

-Tuyên nếu Công ty V không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, thì ALCI.QN có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu và sử dụng của Công ty V để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai, biên bản hoà giải 30/03/2023, biên bản phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ ngày 13/04/2023, đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần V là bà Vũ Thị Hồng T1 trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của công ty A buộc công ty V phải thanh toán số tiền là 129.272.136.146 đồng bao gồm: 22.150.060.000 đồng toàn bộ tiền tạm ứng thanh toán giá trị hợp đồng mua bán; 91.679.378.807 đồng tiền lãi phát sinh từ số tiền tạm ứng thanh toán giá trị hợp đồng mua bán; 2.000.000.000 tiền phạt theo Điều 4 của hợp đồng mua bán; 13.222.500.000 đồng tiền bồi thường thiệt hại cho ALCI.QN các tổn thất thực tế và khoản lợi trực tiếp mà ALCI.QN đáng lẽ được hưởng nếu nhận bàn giao tàu đúng hạn; 40.197.339 đồng khoản chi để thực hiện việc kiểm toán; 180.000.000 đồng khoản chi thuê dịch vụ tư vấn pháp lý thì bà không có ý kiến gì. Hiện tại công ty V đã không còn hoạt động nên không có khả năng chi trả cho công ty A nữa. Bản thân bà chỉ là đại diện theo pháp luật của công ty V. Bà không nợ cá nhân đối với công ty A.

Tại phiên tòa:

Đại diện của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án:

1. Tuyên hủy bỏ Hợp đồng mua bán số: 05/HĐMB-2008 ngày 10/01/2008 giữa ALCI.QN với Công ty V.

2. Tuyên buộc Công ty V phải thanh toán cho ALCI.QN khoản tiền tổng giá trị là: 138.999.025.001 đồng bao gồm:

- Toàn bộ tiền tạm ứng thanh toán giá trị Hợp đồng mua bán là: 22.150.060.000 đồng.

- Tiền lãi phát sinh từ số tiền ALCI.QN đã tạm ứng thanh toán cho Công ty V từ nguồn đi vay của ALCI tạm tính đến ngày10/08/2023 là: 101.406.267.662 đồng.

- Công ty V phải chịu phạt vi phạm 2.000.000.000 đồng.

- Công ty V phải bồi thường thiệt hại cho ALCL.QN các tổn thất thực tế và khoản lợi trực tiếp mà ALCI.QN đáng lẽ được hưởng nếu được nhận bàn giao tàu đúng hạn với tổng giá trị 13.222.500.000 đồng. Đây là số tiền lãi phát sinh từ dư nợ cho thuê tài chính mà Công ty T3 sẽ phải trả cho ALCI.QN (nếu như Công ty V bàn giao tàu theo đúng cam kết) tạm tính từ ngày 01/07/2013 đến ngày 01/10/2022.

- Khoản chi để thực hiện việc kiểm toán giá trị khối lượng hoàn thành: Công ty V có nghĩa vụ hoàn trả phí dịch vụ kiểm toán là 40.197.339 đồng do ALCI đã thanh toán theo Hợp đồng kiểm toán số 87/HĐ-KT/ĐT-VAE ngày 13/07/2016.

- Khoản chi thuê dịch vụ tư vấn pháp lý dự tính 180.000.000 đồng.

- Tuyên nếu Công ty V không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, thì ALCI.QN có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu và sử dụng của Công ty V để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đúng quy định của BLTTDSNguyên đơn, bị đơn, đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 70; 71, 72 BLTTDS.

Việc Tòa án tiến hành xét xử khi đại diện theo pháp luật của bị đơn có đề nghị xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 228 BLTTDS.

Áp dụng Điều 688 BLDS 2015; Điều 302; 305; 422, 425, 428, 432, 438 Bộ luật dân sự 2005; Điều 301 Luật thương mại 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

- Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ thể như sau:

1. Tuyên hủy bỏ Hợp đồng mua bán số: 05/HĐMB-2008 ngày 10/01/2008 giữa ALCI.QN với Công ty V.

2. Tuyên buộc Công ty V phải thanh toán cho ALCI khoản tiền bao gồm:

- Toàn bộ tiền tạm ứng thanh toán giá trị Hợp đồng mua bán là: 22.150.060.000 đồng.

- Tiền lãi phát sinh từ số tiền ALCI.QN đã tạm ứng thanh toán cho Công ty V từ nguồn đi vay của ALCI tạm tính đến ngày 10/08/2023 là: 101.406.267.662 đồng.

- Công ty V phải chịu phạt vi phạm 2.000.000.000 đồng.

Không chấp nhận các khoản:

- Công ty V phải bồi thường thiệt hại cho ALCL.QN các tổn thất thực tế và khoản lợi trực tiếp mà ALCI.QN đáng lẽ được hưởng nếu được nhận bàn giao tàu đúng hạn với tổng giá trị 13.222.500.000 đồng;

- Khoản chi để thực hiện việc kiểm toán 40.197.339đồng.

- Khoản chi thuê dịch vụ tư vấn pháp lý 180.000.000 đồng.

- Tuyên nếu Công ty V không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, thì ALCI.QN có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu và sử dụng của Công ty V để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Việc ALCI khởi kiện yêu cầu Công ty V trả nợ gốc, lãi theo Hợp đồng mua bán số 05/2008 - HĐMB, ngày 10/01/2008 khi Công ty V có địa chỉ tại Thôn P, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định. Căn cứ khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35 BLTTDS, TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn, bị đơn, đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 70; 71, 72 BLTTDS.

Việc Tòa án tiến hành xét xử khi đại diện theo pháp luật của bị đơn có đề nghị xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về việc ALCI yêu cầu Hủy hợp đồng mua bán số 05/2008/HĐMB (viết tắt là hợp đồng 05) giữa ALCI.QN và công ty V.

Xét hợp Hợp đồng 05 và các phụ lục hợp đồng, các biên bản làm việc giữa ALCI.QN và Công ty V thì thấy: Việc ký hợp đồng, phụ lục hợp đồng và các văn bản khác đều thể hiện ý chí tự nguyện của các bên trên cơ sở nhu cầu kinh doanh của doanh nghiệp; nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội; hình thức hợp đồng đảm bảo các điều kiện theo quy định pháp luật. Do đó, Hợp đồng 05 được ký kết giữa ALCI.QN và Công ty V và các văn bản phụ lục kèm theo đều hợp pháp, các bên đã tham gia ký kết đều phải có nghĩa vụ tôn trọng và thực hiện.

HĐXX thấy: Các bên thừa nhận đã tham gia ký kết hợp đồng số 05, khi ký kết các bên có năng lực dân sự và hoàn toàn tự nguyện. Đây là hợp đồng hợp pháp. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng mua bán, Công ty V đã vi phạm hợp đồng mua bán cụ thể từ ngày 23/12/2009 đến nay, Công ty V không thanh toán tiền lãi nhận nợ theo thỏa thuận. Từ tháng 04/2010 đến nay, Công ty V đã ngừng thi công tàu nên không có bất kỳ khối lượng công việc được thực hiện. Công ty V trong quá trình thực hiện Hợp đồng mua bán đã vi phạm không bàn giao tàu theo hợp đồng đã ký, gây thiệt hại cho hoạt động kinh doanh của ALCI.QN. Căn cứ vào Điều 425 BLDS 2005, HĐXX xét thấy, Công ty V đã vi phạm trong việc thực hiện hợp đồng số 05 khiến cho ALCI bị thiệt hại trong hoạt động kinh doanh. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu của ALCI về việc hủy bỏ Hợp đồng mua bán số 05/HĐMB-2008 ngày 10/01/2008 giữa ALCI.QN với Công ty V.

[2.2] Về việc ALCI yêu cầu Công ty V trả lại cho ALCI toàn bộ số tiền tạm ứng thanh toán giá trị Hợp đồng số 05 là 22.150.060.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ số tiền ALCI.QN đã tạm ứng thanh toán cho Công ty V từ nguồn đi vay của ALCI tạm tính đến ngày 10/08/2023 là: 101.406.267.662 đồng

Sau khi ký kết hợp đồng số 05 thì Công ty V đã nhận của ALCI 22.150.060.000 đồng tiền tạm ứng để thực hiện hợp đồng như sau:

- Đợt 1: Số tiền tạm ứng Đợt 1 bằng tiền đặt cọc của Công ty T3 (không tính lãi) là: 3.750.060.000 đồng

- Đợt 2: Số tiền tạm ứng Đợt 2 bằng tiền ALCL.QN là: 18.400.000.000 đồng gồm:

Lần 1: 6.000.000.000 đồng, lãi suất nhận nợ là 1.05%/tháng và 1,48%/tháng, kèm theo Giấy nhận nợ ngày 28/01/2008; ngày 20/03/2008; ngày 08/04/2008; ngày 09/04/2008.

Lần 2: 7.600.000.000 đồng, lãi suất nhận nợ là 1,7%/tháng, kèm theo Giấy nhận nợ ngày 29/08/2009; Giấy nhận nợ ngày 16/10/2008 với lãi suất nhận nợ 1,65%/tháng. Giấy nhận nợ ngày 18/11/2008 với lãi suất nhận nợ 1,50%/tháng. Giấy nhận nợ ngày 03/12/2008 với lãi suất nhận nợ 1,375%/tháng. Giấy nhận nợ ngày 12/12/2008 với lãi suất nhận nợ 1,25%/tháng. Giấy nhận nợ ngày 24/12/2008 với lãi suất nhận nợ 1,06%/tháng

Lần 3: 4.800.000.000 đồng, lãi suất nhận nợ là 0,875%/tháng, kèm theo Giấy nhận nợ ngày 12/06/2009. Giấy nhận nợ ngày 24/06/2009 với lãi suất nhận nợ 0,875%/tháng. Giấy nhận nợ ngày 06/07/2009 với lãi suất nhận nợ 0,875%/tháng. Giấy nhận nợ ngày 09/07/2009 với lãi suất nhận nợ 0,875%/tháng.

Căn cứ vào khoản 9.5 Điều 9 của Hợp đồng số 05 mà các bên đã ký kết có quy định *"Trong trường hợp tàu thi công không đúng chất lượng, kỹ thuật chủng loại, vật tư trang thiết bị máy móc theo bản vẽ thiết kế dự toán được duyệt do Công ty cổ phần K, hoặc bàn giao tài sản không đúng thời hạn, hoặc Công ty TNHH T3 từ chối nhận tài sản do lỗi của bên B thì bên B phải hoàn trả cho bên A toàn bộ số tiền mà bên A đã tạm ứng và thanh toán cho bên B đồng thời phải chịu phạt theo mức lãi suất cho thuê quá hạn hiện hành của bên A tính trên số tiền đã ứng"* - HĐXX chấp nhận yêu cầu nêu trên của ALCI, buộc Công ty V phải trả cho ALCI số tiền tạm ứng hợp đồng số 05 là 22.150.060.000 đồng và tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày 10/08/2023 là 101.406.267.662 đồng.

[2.3] Về việc ALCI yêu cầu Công ty V phải chịu phạt vi phạm theo Điều 4 hợp đồng số 05 số tiền là 2.000.000.000 đồng.

Tại điểm 4.3 Điều 4 Hợp đồng số 05 quy định *"Nếu trong trường hợp thời gian thực hiện kéo dài do bất khả kháng (thời tiết, mất điện, thiên tai, hoả hoạn, . .) mà không được Công ty TNHH T3 và Bên A chấp thuận bằng văn bản thì bên B phải chịu phạt chậm bàn giao tàu là 4.000.000 đồng/ngày. Số tiền này được khấu trừ khi bên Bên A thanh toán cho bên B, Bên A là người thụ hưởng"*. Tại hợp đồng số 05, ALCI.QN và Công ty V đã thỏa thuận với nhau về mức chịu phạt. Như vậy, Công ty V phải chịu phạt vi phạm theo Điều 4 Hợp đồng mua bán do chậm bàn giao tàu là 4.000.000đ/ngày tính từ ngày 01/07/2013 đến ngày 01/10/2022. Tuy nhiên, Điều 301 Luật Thương mại 2005 quy định mức phạt đối với vi phạm nghĩa vụ hợp đồng hoặc tổng mức phạt đối với nhiều vi phạm do các bên thỏa thuận

trong hợp đồng, nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm. Do tổng giá trị Hợp đồng số 05 là 25.000.000.000 đồng và Công ty V vi phạm trên toàn bộ giá trị hợp đồng nên mức phạt tối đa là 25.000.000.000 đồng x 8% = 2.000.000.000 đồng.

Căn cứ vào Điều 4 hợp đồng số 05 giữa ALCI.QN và công ty V, Điều 301 Luật thương mại 2005, HĐXX chấp nhận yêu cầu của ALCI về việc buộc công ty V phải chịu phạt vi phạm theo Điều 4 hợp đồng số 05 là 2.000.000.000 đồng.

[2.4] Về việc ALCI yêu cầu Công ty V phải bồi thường thiệt hại cho ALCL.QN các tổn thất thực tế và khoản lợi trực tiếp mà ALCI.QN đáng lẽ được hưởng nếu được nhận bàn giao tàu đúng hạn với tổng giá trị 13.222.500.000 đồng. Đây là số tiền lãi phát sinh từ dư nợ cho thuê tài chính mà Công ty T3 sẽ phải trả cho ALCI.QN (nếu như Công ty V bàn giao tàu theo đúng cam kết) tính từ ngày 01/07/2013 đến ngày 01/10/2022.

Tại Điều 422 Bộ luật dân sự 2005 quy định *"Trong trường hợp các bên không có thoả thuận về bồi thường thiệt hại thì bên vi phạm nghĩa vụ chỉ phải nộp tiền phạt vi phạm"*. Tại hợp đồng số 05 giữa ALCI.QN và công ty V không có thỏa thuận về việc bồi thường thiệt hại khi có bên vi phạm hợp đồng. Công ty V đã phải trả cho ALCI số tiền tạm ứng theo hợp đồng số 05 là 22.150.060.000 đồng và tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày 10/08/2023 là 101.406.267.662 đồng và phải chịu phạt vi phạm theo Điều 4 hợp đồng số 05 số tiền là 2.000.000.000 đồng - Do đó HĐXX thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu này của ALCI.

[2.5] Đối với yêu cầu của ALCI buộc công ty V phải có nghĩa vụ hoàn trả phí dịch vụ kiểm toán là 40.197.339 đồng và số tiền thuê dịch vụ pháp lý 180.000.000 đồng.

Về việc này , HĐXX thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, ALCI đã cung cấp hợp đồng kiểm toán số 87/HĐ-KT/ĐT-VAE ngày 13/07/2016 kèm theo phụ lục phân bổ phí kiểm toán về việc kiểm toán giá trị quyết toán khối lượng hoàn thành dự án 19 tàu đầu tư dở dang cho thuê tài chính tại Công ty C1 - A1 trong đó có Tàu biển cấp hạn chế III, trọng tải 3.150 tấn, đơn vị thuê tài chính là công ty TNHH T3, phí kiểm toán sau thuế là 40.197.339 đồng và Hợp đồng dịch vụ pháp lý số 05/2023/DVPL ngày 05/04/2023 về việc tham giá tố tụng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chi nhánh Công ty C1 tại Quảng Ninh. Thù lao dịch vụ và các khoản chi phí cụ thể là:

+ Lần 1: 60 triệu đồng, sau khi hai bên ký Hợp đồng dịch vụ pháp lý, có đề nghị thanh toán của bên A;

+ Lần 2: 60 triệu đồng trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày có Bản án sơ thẩm.

+ Thù lao dịch vụ pháp lý (đã bao gồm VAT) trong giai đoạn xét xử phúc thẩm là 50 triệu đồng, được thanh toán 01 lần trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày có Bản án phúc thẩm.

Tại khoản 9.5 Điều 9 của hợp đồng số 05 quy định trường hợp xảy ra tranh chấp các bên không tự giải quyết được thì sẽ được xử lý theo pháp luật hiện hành,

phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thực hiện. Mọi chi phí do bên sai chịu. Tuy nhiên đây là điều khoản quy định chung, không rõ ràng nên HĐXX thấy không có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Đối với các yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận bị đơn phải nộp án phí sơ thẩm; Đối với các yêu cầu của nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Áp dụng các Điều 418; 688 BLDS 2015; Điều 302; 305; 422, 428, 432, 438 Bộ luật dân sự 2005; Điều 301 Luật thương mại 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp một phần nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty C1 - Ngân hàng N (gọi tắt là: ALCI)

- Tuyên hủy bỏ Hợp đồng mua bán số 05/HĐMB-2008 ngày 10/01/2008 giữa ALCI.QN với Công ty V.

- Buộc Công ty V phải trả cho ALCI khoản tiền gồm: Tiền tạm ứng thanh toán giá trị Hợp đồng mua bán số 05/HĐMB- 2008 ngày 10/01/2008 là 22.150.060.000 đồng; Tiền lãi phát sinh từ số tiền ALCI.QN đã tạm ứng thanh toán cho Công ty V tính đến ngày 10/08/2023 là 101.406.267.662 đồng; T2 phạt vi do chậm bàn giao tàu là 2.000.000.000 đồng;

Tổng : 125.556.327.000đ. (Đã lã làm tròn).

2.Không chấp nhận yêu cầu của ALCI về việc buộc Công ty V phải trả các tổn thất thực tế và khoản lợi trực tiếp mà ALCI.QN đáng lẽ được hưởng nếu được nhận bàn giao tàu đúng hạn với tổng giá trị 13.222.500.000 đồng; trả phí dịch vụ kiểm toán là 40.197.339 đồng và số tiền thuê dịch vụ pháp lý 180.000.000 đồng.

3. Án phí: Công ty cổ phần V phải nộp 233.556.000 đồng (Đã làm tròn).

ALCI phải nộp 121.442.000 đồng (Đã là tròn) được trừ vào số tiền 66.000.000 đồng đã nộp tạm ứng áp phí theo biên lai thu tiền số 0002226 ngày 08/03/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định. ALCI còn phải nộp 55.442.000 đồng.

Trường hợp, Công ty V không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, thì ALCI có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu và sử dụng của Công ty V để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, ALCI có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nêu trên, hàng tháng Công ty V còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- Lưu HS, VP.

Chu Thái Hà